

Số/No.: 269 /2021/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 21 tháng 05 năm 2021  
Hanoi, day 21 month 05 year 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF MAFM VN30
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol*: FUEMAV30
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 20/05/2021
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF /Unit: 1 *ETF Creation Unit* = 100,000 *ETF certificates*

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component*:

STT <i>Order</i>	Mã chứng khoán <i>Securities symbol</i>	Số lượng <i>Volume</i>	Tỷ lệ % trong danh mục <i>Weighting</i>
<b>I.</b>	<b>Chứng khoán/ <i>Stock</i></b>		
1	BID	200	0.5%
2	BVH	100	0.3%
3	CTG	1,000	2.9%
4	FPT	900	5.0%
5	GAS	100	0.5%
6	HDB	1,600	3.1%
7	HPG	2,600	10.4%
8	KDH	400	0.9%
9	MBB	2,400	5.0%
10	MSN	600	3.9%
11	MWG	500	4.3%
12	NVL	500	4.3%
13	PDR	300	1.3%
14	PLX	300	1.0%
15	PNJ	200	1.1%
16	POW	600	0.4%
17	REE	200	0.7%
18	SBT	300	0.4%
19	SSI	500	1.1%
20	STB	2,400	4.2%
21	TCB	3,200	9.7%
22	TCH	300	0.4%
23	TPB	900	1.8%
24	VCB	500	2.9%
25	VHM	700	4.3%
26	VIC	800	5.8%
27	VJC	400	2.7%
28	VNM	1,500	8.0%
29	VPB	2,300	9.4%
30	VRE	700	1.2%
<b>II.</b>	<b>Tiền / <i>Cash (VND)</i></b>	<b>40,910,574</b>	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value*:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: 1,604,605,000 VND

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: 1,645,515,574 VND

+ Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Spread in value*: 40,910,574 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to reduce the spread*:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason:*

STT No	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	BID	40,900	BSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo Thông tư 121/2020/TT-BTC / <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TTBTC</i>
2	BVH	53,200	BVSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo Thông tư 121/2020/TT-BTC / <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TTBTC</i>
3	FPT	90,800	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
4	MWG	141,700	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	PNJ	93,500	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	REE	55,000	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	TCB	50,100	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	TPB	32,900	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)  
*State if component securities shall have corporate action:*
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations:*

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 20/05/2021	Kỳ trước/Last period (**) 19/05/2021	Chênh lệch/ Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Issued shares</i>	33,500,000	33,500,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ <i>Closing price</i>	16,620	16,430	190
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net Asset Value at Valuation Date</i>			
- của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	551,247,717,264	542,177,466,038	9,070,251,226
- của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,645,515,574	1,618,440,197	27,075,377
- của 1 CCQ/ <i>per share</i>	16,455.16	16,184.40	270.76
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,424.92	1,401.71	23.21

(\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 19/05/2021

(\*\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 18/05/2021

Chủ tịch công ty kiêm đại diện pháp luật

Chairman and legal representative



Huh Hong Suk